TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN D** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2023/DS-ST
Ngày 24-8-2023
V/v tranh chấp thừa kế
quyền sử dụng đất và tài sản trên đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN D THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Thắng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Thanh Giản

Bà Trịnh Thị Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Đoàn Thị Quỳnh Trâm - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 22/2022/TLST - DS ngày 22 tháng 11 năm 2022 về việc "tranh chấp về thừa kế quyền sử dụng đất và tài sản trên đất" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 325/2023/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 362/2023/QĐST-DS ngày 08 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Văn L; nơi cư trú: Số 9/192 Hàng Tổng, tổ dân phố số 6, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn*: Bà Ông Trần Văn L; nơi cư trú: Tổ dân phố P 2, phường Đ, quận D, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- *Những người có quyền L nghĩa vụ liên quan*:

+ Bà Trần Thị L; nơi cư trú: Tổ dân phố P 2, phường Đ, quận D, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

+ Bà Trần Thị H; nơi cư trú: Số 9/192 Hàng Tổng, Tổ dân phố số 6, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng; có mặt.

+ Ông Trần Văn L; nơi cư trú: Tổ dân phố P 2, phường Đ, quận D, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

+ Bà Trần Thị M; nơi cư trú: Tổ dân phố Đồng Tử 4, phường Phù Liễn, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng. Đại diện theo ủy quyền: ông Trần Văn L nơi cư trú: Số 9/192 Hàng Tổng, Tổ dân phố số 6, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng; ông L, bà M có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là ông Trần Văn L trình bày: Bố mẹ ông là cụ Trần Văn Sở, sinh năm 1926 chết năm 2012 và cụ Bùi Thị Đơn, sinh năm 1927 chết năm 2016 là vợ chồng, hai cụ sinh được 06 người con gồm: Bà Trần Thị L, bà Trần Thị H, ông Trần Văn L, ông Trần Văn L, bà Trần Thị M và ông (Trần Văn L). Trong quá trình sinh sống, cụ Sở và cụ Đơn có tạo lập được diện tích 434 m^2 đất tại thửa đất 480 tờ bản đồ số 09 tại địa chỉ tổ dân phố P, phường Đ, quận D thành phố Hải Phòng đã được UBND huyện Kiến Thụy cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 469896, số vào sổ 01499/KT-01-Q1 ngày 23-01-2006 cho hộ ông Trần Văn Sở và vợ là Bùi Thị Đơn năm 2006 và nhà cấp 4 trên đất.

Vào ngày 22-02-2007, bố mẹ ông có lập bản di chúc thừa kế cho ông diện tích ở 434 m^2 tại thửa đất 480 tờ bản đồ số 09 tại địa chỉ tổ dân phố P, phường Đ, quận D thành phố Hải Phòng và toàn bộ tài sản trên đất trên đất. Di chúc được UBND xã Đ, huyện Kiến Thuỵ (nay là phường Đ, quận D) chứng thực tại Sổ chứng thực số 01 quyển số 01 ngày 26-02-2007. Lúc còn sống và cho đến khi chết, bố mẹ ông không có con riêng, không nhận con nuôi, không lập di chúc cho bất kỳ người nào ngoài ông.

Thời điểm bố mẹ ông còn sống, các anh của ông đã được bố mẹ cho mỗi người một diện tích ăn ở riêng, ông là con út ở lại chăm sóc và sống cùng bố mẹ đến khi bố mẹ chết. Sau khi bố và mẹ của ông chết, ông tiến hành các thủ tục kê khai thừa kế theo di chúc của bố mẹ để đăng ký quyền sử dụng đất và tài sản trên đất nhưng ông L không đồng ý, không ký giấy tờ và có những lời lẽ gây mất đoàn kết gia đình. Nay ông yêu cầu Tòa án công nhận tính hợp pháp của bản di chúc được bố mẹ ông là cụ Sở và cụ Đơn lập ngày 22-02-2007, để ông được quyền sử dụng diện tích đất bố mẹ đã để lại cho ông. Thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông ăn ở với bố mẹ nên có tên trong hộ gia đình nhưng ông xác định diện tích đất đó là của riêng bố mẹ ông tạo lập chứ ông không có quyền L là thành

viên trong hộ gia đình. Ông xác định toàn bộ vật kiến trúc là nhà cấp 4 và cây cối trên đất là có từ thời bố mẹ ông còn sống do bố mẹ ông xây dựng và trồng.

Quá trình chuẩn bị xét xử, bị đơn là ông Trần Văn L, người có quyền L nghĩa vụ liên quan là ông Trần Văn L trình bày: Bố mẹ ông là cụ Đơn và cụ Sở có các con như anh L trình bày là đúng. Các ông chưa nhìn thấy di chúc của bố mẹ để lại, khi các cụ còn sống cũng không thấy các cụ nói sẽ để lại đất cho ai. Sau khi được Tòa án thông báo, các ông mới biết có bản di chúc, các ông sẽ xác minh về bản di chúc, nếu có di chúc thì cũng thực hiện theo đúng ý nguyện của các cụ. Nếu không có di chúc thì đề nghị để lại làm nơi thờ cúng chung. Ngoài ra, các ông còn yêu cầu tòa án xác minh tính hợp pháp của di chúc, các ông không có tài liệu chứng cứ nào cung cấp cho Tòa án. Khi còn sống cụ Đơn và cụ Sở đã cho các ông mỗi người một phần đất ra ở riêng, các cụ ở cùng với chị H và em L đến khi qua đời.

Người có quyền L nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị M trình bày: Bố mẹ bà là cụ Đơn và cụ Sở có các con như anh L trình bày là đúng. Khi còn sống đã lập di chúc để lại tài sản cho anh Trần Văn L, bà đề nghị Tòa án công nhận tính hợp pháp của di chúc ngày 22-02-2007 do bố mẹ bà lập đã được UBND xã Đ (nay là phường Đ) chứng thực để đảm bảo quyền L cho anh L. Bà không có quyền L gì đối với diện tích đất trên.

Người có quyền L nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị H trình bày: Bố mẹ bà là cụ Đơn và cụ Sở có các con như anh L trình bày là đúng. Khi còn sống đã lập di chúc để lại tài sản cho anh Trần Văn L, bà đồng ý công nhận tính hợp pháp của di chúc ngày 22-02-2007 do bố mẹ bà lập đã được UBND xã chứng thực để đảm bảo quyền L cho anh L được quyền hưởng diện tích đất trên. Do bà không có chồng con nên từ khi bố mẹ chết, bà vẫn ăn ở sinh hoạt cùng vợ chồng anh L đến nay.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập bà Trần Thị L nhiều lần nhưng bà L đều không có mặt, qua xác minh của UBND phường Đ cho biết bà L đi làm ăn xa, khi đi cũng không xin giấy tạm vắng nên địa phương không biết bà L đâu làm gì. Do đó Tòa án không lấy được lời khai của bà L. Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng niêm yết công khai các văn bản tố tụng đối với bà Trần Thị L.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã cung cấp: Đơn xác nhận của Công an quận D xác định năm 2006 hộ gia đình ông Trần Văn Sở gồm có chủ hộ là Trần Văn Sở, vợ là Bùi Thị Đơn, con gái Trần Thị H, con trai Trần Văn L, ngoài ra không còn ai khác trong sổ hộ khẩu của gia đình.

Tòa án đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ về bản di chúc tại UBND phường Đ, xác định: Di chúc của ông Trần Văn Sở và vợ là bà Bùi Thị Đơn để lại tài sản cho con trai Trần Văn L (là con út) do cán bộ Tư pháp xã Đ, huyện Kiến Thuỵ lập trong tình trạng sức khỏe bình thường, tinh thần minh mẫn tỉnh táo, việc

xác lập di chúc của hai cụ là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc. Di chúc được chứng thực hợp pháp và có đăng ký trong "Sổ chứng thực di chúc, từ chối nhận di sản của xã Đ, huyện Kiến Thụy (nay là phường Đ, quận D) Quyển số 01/TP/CC-SCT/DCTC mở sổ ngày 14/7/1999".

Về việc nộp thuế đối với diện tích đất đang trên, UBND phường Đ cung cấp: Ông Trần Văn L là người nộp thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đối với Diện tích 434 m^2 đất tại thửa đất 480 tờ bản đồ số 09 tại địa chỉ tổ dân phố P, phường Đ, quận D, thành phố Hải Phòng (đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Trần Văn Sở và bà Bùi Thị Đơn năm 2006).

Tòa án đã tiến hành xem xét , thẩm định tại chỗ và Kết L định giá tài sản số 05 ngày 16-6-2023 của Hội đồng định giá kết luận : Tổng giá trị tài sản định giá là 5.213.270.000 đồng, trong đó diện tích 434 m^2 đất tại thửa đất 480 tờ bản đồ số 09 tại địa chỉ tổ dân phố P, phường Đ, quận D thành phố Hải Phòng, giá đất 11.900.000đồng/1 m^2 = 5.164.600.000 đồng; giá trị vật kiến trúc trên đất là 34.470.289 đồng gồm: 01 căn nhà cấp 4 trị giá 26.260.581 đồng; 01 công trình phụ trị giá 8.209.708 đồng; giá trị cây trồng trên đất là 14.200.000 đồng, gồm: 01 cây xoài trị giá 4.650.000 đồng; 01 cây sung trị giá 3.250.000 đồng; 02 cây vú sữa trị giá 6.300.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã yêu cầu các đương sự cung cấp giao nộp tài liệu chứng cứ nhưng hết thời hạn mà các đương sự không cung cấp được các tài liệu chứng cứ theo quy định. Tòa án đã tiến hành thông báo kết quả tiếp cận chứng cứ và thông báo về việc xác định giá tài sản tranh chấp theo Kết L của Hội đồng định giá, thông báo về kết quả thẩm định tại chỗ diện tích đất nhưng các đương sự không có ý kiến.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, ông L, bà H, bà M vẫn giữ nguyên những lời trình bày tại giai đoạn chuẩn bị xét xử.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp L của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp L của các đương sự đối với các quy định của Bộ L Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 5 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 273 Bộ L Tố tụng dân sự; các điều 624, 626, 628, 630, 635, 636 Bộ L Dân sự; Nghị quyết 326 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn L về việc yêu cầu công nhận bản di chúc lập ngày 22-02-2007 của cụ Trần Văn Sở và vợ là bà Bùi Thị Đơn là hợp pháp. Ông Trần Văn L được quyền sử dụngs diện tích 434

m^2 đất tại thửa đất 480 tờ bản đồ số 09 tại địa chỉ tổ dân phố P, phường Đ, quận D thành phố Hải Phòng và nhà cấp 4 trên đất đã được UBND huyện Kiến Thụy cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 469896, số vào sổ 01499/KT-01-Q1 ngày 23-01-2006 cho hộ ông Trần Văn Sở và vợ là Bùi Thị Đơn năm 2006. Về án phí: Yêu cầu của ông L được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; ông Trần Văn L là bị đơn phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

-*Về tố tụng*:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Các đương sự đang có tranh chấp về thừa kế quyền sử dụng đất thuộc tổ dân phố Phúc Hải, phường Đa Phúc , quận D, thành phố Hải Phòng. Theo quy định tại khoản 5 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ L Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Bị đơn là ông L và những người có quyền L nghĩa vụ liên quan là ông L, bà L đã được Tòa án tống đạt hợp lệ và niêm yết công khai Quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa, nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Do đó, căn cứ các điều 227, điều 228 của Bộ L Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền L nghĩa vụ liên quan.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Cụ Trần Văn Sở chết năm 2012 và cụ Bùi Thị Đơn chết năm 2016, theo quy định khoản 1 Điều 623 Bộ L Dân sự năm 2015 quy định: "*Thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản...kể từ thời điểm mở thừa kế...*". Ngày 11 tháng 10 năm 2022, nguyên đơn là ông Trần Văn L nộp đơn khởi kiện yêu cầu công nhận di chúc hợp pháp để hưởng di sản thừa kế. Căn cứ khoản 1 Điều 623 Bộ L Dân sự năm 2015 thì yêu cầu chia di sản thừa kế của ông L đối với di sản của cụ Sở và cụ Đơn để lại là còn trong thời hiệu khởi kiện.

- *Về nội dung khởi kiện:*

[4] Về nguồn gốc di sản: Vợ chồng cụ Trần Văn Sở và cụ Bùi Thị Đơn có quyền sử dụng diện tích 434 m^2 đất tại thửa đất 480 tờ bản đồ số 09 tại địa chỉ tổ dân phố P, phường Đ, quận D thành phố Hải Phòng và nhà cấp 4 trên đất đã được UBND huyện Kiến Thụy cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đất số AĐ 469896, số vào sổ 01499/KT-01-Q1 ngày 23-01-2006 cho hộ ông Trần Văn Sở và vợ là Bùi Thị Đơn năm 2006. Nguồn gốc đất là do cụ Sở và cụ Đơn tạo lập trong

thời kỳ hôn nhân khi đó các con còn nhỏ. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ghi nhận nguồn gốc diện tích đất trên là *"đất thổ cư cũ sử dụng từ trước năm 1980"*, đến năm 2006 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại thời điểm năm 2006, hộ cụ Sở và cụ Đơn có ông L và bà H sống cùng và có tên trong hộ gia đình. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, anh L và bà H đều thừa nhận diện tích đất trên của bố mẹ và xác định không là chủ sở hữu chung với tư cách là thành viên trong hộ gia đình. Người quản lý di sản là ông Trần Văn L sinh sống với cụ Sở và cụ Đơn đến khi hai cụ chết cũng xác định nhà cấp 4 là của hai cụ xây dựng từ khi còn sống. Do đó, xác định quyền sử dụng diện tích 434 m^2 đất và căn nhà cấp 4 trên đất tại thửa đất 480 tờ bản đồ số 09 là di sản thừa kế của cụ Sở và cụ Đơn.

[5] Về yêu cầu công nhận di chúc hợp pháp của ông L:

[5.1] Cụ Sở và cụ Đơn chết có để lại di chúc ngày 22-02-2007, di chúc có chữ ký, điểm chỉ của hai cụ, được UBND xã Đ chứng thực tại Sổ chứng thực số 01 quyển số 01 ngày 26-02-2007. Bản di chúc nêu trên có nội dung: *"Để lại mảnh đất thừa kế cho con trai là Trần Văn L diện tích mảnh đất ở 434 m^2, trên đất có một nhà xây lợp ngói 3 gian tôi và vợ tôi còn sống vẫn sử dụng và nuôi con gái tôi là Trần Thị H, sau này chúng tôi qua đời quyền sử dụng mảnh đất nêu trên là thuộc về con tôi là Trần Văn L toàn quyền sử dụng đất và nhà ở nói trên, có trách nhiệm nuôi chị gái là Trần Thị H"*. Sau khi cụ Sở và cụ Đơn chết, ông L đã yêu cầu UBND phường Đ làm thủ tục mở di chúc để thực hiện quyền của mình nhưng ông Trần Văn L không đồng ý nên ông L không thực hiện được quyền hưởng di sản. Quá trình thu thập chứng cứ tại UBND phường Đ xác định: Cụ Sở và cụ Đơn viết di chúc trong tình trạng sức khỏe bình thường, tinh thần minh mẫn tỉnh táo, việc xác lập di chúc của hai cụ là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc. Thủ tục chứng thực di chúc của cụ Sở và cụ Đơn tại UBND xã Đ, huyện Kiến Thụy (nay là phường Đ quận D) đã thực hiện đúng quy định của pháp L. Hình thức và nội dung di chúc phù hợp với quy định pháp L nên coi là di chúc hợp pháp.

[5.2] Ngoài ra, các con của cụ Sở và cụ Đơn là ông L, bà M, bà H đều đề nghị tòa án công nhận di chúc trên là hợp pháp. Bà H cũng trình bày, bà không có chồng con nên từ khi bố mẹ bà là cụ Sở và cụ Đơn mất bà vẫn ăn ở sinh hoạt cùng vợ chồng anh L từ đó đến nay, bà đề nghị công nhận ông L được hưởng di sản, bà vẫn tiếp tục ăn ở sinh hoạt cùng anh L. Các ông L và ông L cũng chỉ cho rằng chưa nhìn thấy và chưa nghe thấy bố mẹ ông nói có di chúc để lại đất cho ai còn nếu xác minh có di chúc hợp pháp thì các ông cũng tôn trọng di chúc của các cụ. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do các đương sự cung cấp và tòa án thu thập được, có đủ cơ sở xác định di chúc do cụ Sở và cụ Đơn lập ngày 22-02-2007 là hợp pháp. Do đó yêu cầu của ông Trần Văn L được hưởng di sản là quyền sử dụng diện tích 434 m^2 đất và tài sản trên đất tại thửa đất 480 tờ bản đồ số 09 tại địa chỉ tổ dân phố P,

phường Đ, quận D thành phố Hải Phòng của cụ Sở và cụ Đơn để lại theo di chúc là có căn cứ chấp nhận.

[5.3] Ý kiến phát biểu về việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp L cần chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của ông L được chấp nhận nên không phải nộp án phí, trả lại cho ông L tiền tạm ứng án phí đã nộp. Ông L là bị đơn phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Về chi phí tố tụng: Ông L tự nguyện chịu toàn bộ chi phí thẩm định và định giá tài sản.

[8] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp L.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 5 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 273 Bộ L Dân sự; các điều 624, 626, 628, 630, 635, 636 Bộ L Dân sự; Nghị quyết 326 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn L về việc yêu cầu công nhận bản di chúc lập ngày 22-02-2007 của cụ Trần Văn Sở và vợ là Bùi Thị Đơn là hợp pháp.

Ông Trần Văn L được quyền sử dụng diện tích 434 m^2 đất và nhà cấp 4 trên đất tại thửa đất 480 tờ bản đồ số 09 tại địa chỉ tổ dân phố P, phường Đ, quận D, thành phố Hải Phòng đã được UBND huyện Kiến Thụy cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 469896, số vào sổ 01499/KT-01-Q1 ngày 23-01-2006 cho hộ ông Trần Văn Sở và vợ là Bùi Thị Đơn.

Ông L được quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất và tài sản trên đất theo quy định pháp L.

Về án phí: Ông L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả lại cho ông Trần Văn L 22.275.000 (hai mươi hai triệu, hai trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 2870 ngày 22-11-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận D, thành phố Hải Phòng. Ông Trần Văn L là bị đơn phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm

Về chị phí tố tụng: Ông L tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng đã nộp.

Về quyền kháng cáo: Ông L, bà H, bà M có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông L, ông L, bà L vắng mặt tại

phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 L Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của L Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của L Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận D;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- Chi cục THADS quận D;
- Lưu: Văn thư, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Văn Thắng